

Số: 19/2012/TTLT-BTC - BKH&ĐT-
BTTTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Thực hiện Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 – 2015,

Liên Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, bao gồm:

a) Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 – 2015 theo Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1605/QĐ-TTg).

b) Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc những giai đoạn tiếp theo.

2. Các hoạt động chi ứng dụng công nghệ thông tin khác trong cơ quan nhà nước thuộc kế hoạch, dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho các cơ quan nhà nước, các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội được cấp ngân sách nhà nước cho chi ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm:

1. Cơ quan Trung ương:

a) Các cơ quan nhà nước thuộc Trung ương.

b) Các cơ quan Trung ương khác được cấp ngân sách nhà nước cho chi ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Cơ quan địa phương:

a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.

b) Các cơ quan nhà nước thuộc ngành dọc tại địa phương.

c) Các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội địa phương được cấp ngân sách nhà nước cho chi ứng dụng công nghệ thông tin.

d) Các cơ quan khác tại địa phương được cấp ngân sách nhà nước cho chi ứng dụng công nghệ thông tin.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.

2. Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là ODA) của các nhà tài trợ cho các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

3. Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan, đơn vị được phép để lại sử dụng theo quy định của pháp luật; nguồn đóng góp của các doanh nghiệp; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí

1. Việc quản lý và sử dụng các nguồn vốn thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước phải đúng mục đích, đúng chế độ, đúng thứ tự ưu tiên, dựa trên nhu cầu thực tế, bảo đảm tính hiệu quả, khả thi khi triển khai; chịu sự kiểm tra, kiểm soát và giám sát, đánh giá của cơ quan chức năng có thẩm quyền; quyết toán kinh phí đã sử dụng, thực hiện công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

2. Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA phải thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA.

3. Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan, đơn vị được phép để lại sử dụng; nguồn đóng góp của các doanh nghiệp; các nguồn kinh phí hợp pháp khác thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương:

a) Xây dựng mới, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp quốc gia, các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước cấp Trung ương; các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý ngành.

b) Hỗ trợ một phần kinh phí đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trong việc triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.

c) Chi ứng dụng công nghệ thông tin của các Bộ, cơ quan Trung ương.

d) Chi phí hoạt động của Ban Điều hành, Ban chỉ đạo cấp quốc gia triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Căn cứ Chỉ thị xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính hướng dẫn các cơ quan chịu trách nhiệm triển khai các dự án thuộc Chương trình xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với nguồn kinh phí tương ứng, đảm bảo tính khả thi về cân đối nguồn lực. Kế hoạch đăng ký vốn của các dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, trình Quốc hội quyết định trong dự toán chi ngân sách hàng năm.

2. Nhiệm vụ chi của Ngân sách địa phương:

a) Xây dựng mới, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước cấp địa phương.

b) Chi ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị tại địa phương.

c) Chi phí hoạt động của Ban Điều hành, Ban chỉ đạo cấp địa phương triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 6. Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách cụ thể thực hiện Quyết định số 1605/QĐ-TTg

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương:

a) Xây dựng mới, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước cấp Trung ương, bao gồm các dự án, nhiệm vụ cụ thể nêu tại Phụ lục III Quyết định số 1605/QĐ-TTg.

b) Hỗ trợ một phần kinh phí đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trong việc triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu bảo đảm sự kết nối, liên thông giữa các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương đối với các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu lớn có quy mô quốc gia nêu tại Phụ lục III Quyết định số 1605/QĐ-TTg.

Các cơ quan chủ trì triển khai các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu có quy mô quốc gia có trách nhiệm đề xuất mức hỗ trợ và đối tượng hỗ trợ cụ thể trên cơ sở nhu cầu thực tế, bảo đảm tránh trùng lặp, lãng phí; lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Hàng năm, căn cứ tổng mức dự toán kinh phí thực hiện các Dự án, nhiệm vụ quy mô quốc gia (nêu tại Phụ lục III Quyết định số 1605/QĐ-TTg) đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định, căn cứ mức trần kinh phí và nguyên tắc hỗ trợ kinh phí đối với các địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và khả năng ngân sách, Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan chịu trách nhiệm triển khai các hệ thống, hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện và nguồn kinh phí đảm bảo tương ứng; thẩm định mức kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương theo nguyên tắc và trong phạm vi tổng mức đã được thông báo trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, trình Quốc hội bố trí trong dự toán chi bổ sung có mục tiêu hàng năm của Ngân sách Trung ương.

c) Chi từ ngân sách các Bộ, cơ quan Trung ương được cơ quan có thẩm quyền giao hàng năm:

Trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao hàng năm, các Bộ, cơ quan Trung ương bố trí kinh phí để thực hiện Quyết định số 1605/QĐ-TTg tại Bộ, cơ quan mình, bao gồm các nhiệm vụ chính sau:

i) Phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin:

- Xây dựng mới, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước, bao gồm: máy chủ, máy trạm, thiết bị ngoại vi, thiết bị kết nối mạng, thiết bị phụ trợ, mạng nội bộ, mạng diện rộng;

- Trang bị hạ tầng bảo đảm truy cập thuận tiện tới các dịch vụ công qua nhiều hình thức khác nhau, bao gồm: Cổng/trang thông tin điện tử; trung tâm chăm sóc khách hàng; điện thoại cố định; điện thoại di động; bộ phận một cửa và các hình thức khác;

- Xây dựng, triển khai hạ tầng hệ thống an toàn thông tin, chứng thực điện tử và chữ ký số.

ii) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước:

- Xây dựng mới, nâng cấp hệ thống thông tin: hệ thống, quản lý văn bản và điều hành, hệ thống quản lý thông tin tổng thể, hệ thống giao ban trực tuyến, hệ thống thư điện tử, tích hợp hệ thống xác thực người dùng với hạ tầng chứng thực điện tử và chữ ký số;

- Xây dựng mới, nâng cấp các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiệp vụ và các công tác nội bộ khác theo hướng hiệu quả hơn, mở rộng kết nối, đáp ứng nhu cầu công tác tại mỗi cơ quan.

iii) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Cung cấp các dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp;

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông (nếu có);

- Phát triển, nâng cao hiệu quả hệ thống đối thoại, hỏi đáp trực tuyến và các công cụ tiếp nhận ý kiến của người dân và doanh nghiệp trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

iv) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin.

v) Xây dựng môi trường pháp lý cho ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin.

vi) Học tập kinh nghiệm quốc tế về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và phát triển Chính phủ điện tử.

vii) Bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng thông tin; vận hành, duy trì hệ thống thông tin.

viii) Các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin khác (nếu có).

d) Chi phí hoạt động của Ban Điều hành, Ban chỉ đạo triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

2. Nhiệm vụ chi của Ngân sách địa phương:

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện Quyết định số 1605/QĐ-TTg tại địa phương, bao gồm các nhiệm vụ như quy định tại điểm c khoản 1 điều này đối với địa phương mình.

Điều 7. Nội dung chi

1. Những nội dung chi được bố trí kinh phí từ nguồn vốn đầu tư phát triển hoặc vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư (nếu đảm bảo các điều kiện theo quy định về quản lý dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và phải lập dự án theo quy định):

a) Chi xây dựng mới, mua sắm, sửa chữa lớn cơ sở hạ tầng thông tin, gồm: phần mạng (router, switch, hub, access point, firewall, cáp truyền dẫn, vật liệu kết nối,...); phần cứng (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị lưu trữ, thiết bị in ấn, thiết bị lưu điện, chống sét, hệ thống làm mát cho hệ thống công nghệ thông tin và thiết bị ngoại vi khác); cơ sở dữ liệu.

b) Chi xây dựng mới, mua sắm, nâng cấp phần mềm, gồm: phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, cổng /trang thông tin điện tử, phần mềm công cụ, phần mềm nền/lõi và phần mềm khác, bao gồm cả việc mua các bản quyền phần mềm.

Các nội dung chi nêu trên khi được lập dự án đầu tư để triển khai bao gồm các chi phí thành phần như sau (theo quy định về tại Nghị định 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước):

i) Chi phí xây lắp:

- Chi phí lắp đặt phụ kiện mạng, đi dây cho mạng công nghệ thông tin và các chi phí khác phục vụ cho lắp đặt mạng;
- Các chi phí xây lắp trực tiếp khác có liên quan.

ii) Chi phí thiết bị:

- Chi phí mua sắm thiết bị công nghệ thông tin: Thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị đặc biệt là phần mềm nội bộ, các thiết bị phụ trợ và thiết bị ngoại vi;

- Chi phí mua sắm tài sản vô hình: Phần mềm hệ thống, phần mềm thương mại, tạo lập cơ sở dữ liệu, chuẩn hoá phục vụ cho nhập dữ liệu, thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu, mua sắm các tài sản vô hình khác;

- Chi phí đào tạo chuyển giao công nghệ;

- Chi phí lắp đặt thiết bị, cài đặt phần mềm, kiểm tra và hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm.

iii) Chi phí quản lý dự án: Gồm các chi phí cần thiết để Chủ đầu tư tổ chức quản lý thực hiện dự án.

iv) Chi phí tư vấn đầu tư: Chi phí khảo sát, giám sát công tác khảo sát; lập dự án đầu tư; điều tra, nghiên cứu phục vụ lập dự án, tuyển chọn giải pháp; thiết kế sơ bộ; thiết kế thi công, điều chỉnh, bổ sung thiết kế thi công; lập dự toán/tổng dự toán; lập hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu và chi phí phân tích đánh giá hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu để lựa chọn nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công, tổng thầu, giám sát thi công; lập định mức, đơn giá; lập dự toán, tổng dự toán; điều chỉnh dự toán, tổng dự toán; tư vấn quản lý dự án; kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị; đánh giá chất lượng sản phẩm; giám định công nghệ; quy đổi vốn đầu tư; chi phí tư vấn đầu tư và thực hiện các công việc tư vấn khác.

v) Chi phí khác: phí và lệ phí; bảo hiểm, di chuyển thiết bị và lực lượng lao động; kiểm toán; thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; nghiên cứu khoa học công nghệ liên quan đến dự án; lắp đặt và thuê đường truyền; lệ phí đăng ký và duy trì tên miền và các chi phí đặc thù khác.

vi) Chi phí dự phòng: Cho khối lượng công việc phát sinh chưa lường trước được khi lập dự án và chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong thời gian thực hiện dự án.

2. Những nội dung chi được bố trí kinh phí từ nguồn chi thường xuyên hành chính sự nghiệp hàng năm (không phải lập dự án):

a) Chi mua sắm, nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin và phần mềm:

- Chi xây dựng mới, mua sắm, nâng cấp phần mềm có mức vốn đầu tư dưới hạn mức quy định phải lập dự án đầu tư;

- Chi mua sắm thay thế một phần (dưới 50% tổng giá trị) phần cứng, phần mạng thuộc cơ sở hạ tầng thông tin hiện có;

- Chi mua sắm, gia hạn các bản quyền phần mềm hoặc bản quyền hóa các phần mềm đang sử dụng chưa có bản quyền;

- Mua sắm hệ thống điều hòa cho phòng máy chủ.

b) Chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa:

- Chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng thông tin phần mạng, phần cứng;

- Chi bảo trì, hỗ trợ vận hành phần mềm (bao gồm cả chi sao lưu-khôi phục định kỳ, đột xuất đối với phần mềm).

c) Duy trì các dịch vụ mạng:

- Dịch vụ thuê kết nối mạng (như: thuê đường truyền, băng thông);

- Duy trì tên miền, địa chỉ IP;

- Thu thập, lưu trữ và truyền tải thông tin (dịch vụ duy trì hệ thống thư điện tử; dịch vụ lưu ký trang điện tử; dịch vụ thuê không gian lưu trữ trên Internet);

- Các dịch vụ trực tuyến khác (dịch vụ tên miền DNS, dịch vụ xác thực LDAP, dịch vụ tên Windows Internet WINS, dịch vụ mạng ảo riêng VPN và các dịch vụ khác).

d) Chi dịch vụ khác:

- Dịch vụ thuê thiết bị công nghệ thông tin phần cứng và phần mạng, dịch vụ thuê chỗ đặt máy chủ và các thiết bị công nghệ thông tin khác;

- Dịch vụ an ninh mạng và an toàn thông tin (chi tư vấn kiểm tra đánh giá an toàn thông tin, chi dịch vụ giám sát an toàn thông tin, dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin);

- Dịch vụ chữ ký số.

đ) Chi quản lý, vận hành hệ thống thông tin, gồm:

- Lập kế hoạch và giám sát, kiểm tra, đánh giá việc vận hành, duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thông tin;

- Vận hành, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống công nghệ thông tin hoặc thuê quản trị vận hành, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật hệ thống công nghệ thông tin;

- Quản lý người khai thác, sử dụng;

- Kiểm soát an toàn mạng, an ninh thông tin, khả năng đáp ứng của hệ thống thông tin;

- Thống kê, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng mạng lưới hoặc lưu lượng trao đổi thông tin trong mạng;

- Tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong trường hợp khẩn cấp;

- Xây dựng, hoàn thiện quy chế, quy định quản lý hệ thống thông tin.

e) Chi tạo lập, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin, gồm: chuẩn hóa dữ liệu; tạo lập dữ liệu ban đầu; cập nhật dữ liệu, thông tin mới (mua nội dung thông tin, tạo lập và chuyển đổi thông tin, số hoá thông tin).

g) Chi bảo đảm hoạt động cho cổng/trang thông tin điện tử theo quy định của Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 của Chính phủ về quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, gồm:

- Mua nội dung thông tin, tạo lập và chuyển đổi thông tin, số hoá thông tin cho cổng/trang thông tin điện tử;

- Chi bảo đảm nhân lực cho cổng/trang thông tin điện tử gồm: Ban biên tập, nhân lực xử lý dịch vụ công trực tuyến và nhân lực quản trị kỹ thuật;

- Chi bảo trì, bảo dưỡng cổng/trang thông tin điện tử: thuộc mục chi duy trì hệ thống thông tin của đơn vị;

- Chi nâng cấp, chỉnh sửa cổng thông tin điện tử: thuộc mục chi nâng cấp, sửa chữa phần mềm của đơn vị.

h) Chi quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin:

- Chi xây dựng, rà soát cơ chế, chính sách, văn bản pháp lý trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin;

- Chi xây dựng các kế hoạch, chương trình, đề án ứng dụng công nghệ thông tin (xây dựng đề cương, chi hội thảo xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án; chi nhận xét, phản biện, chi thẩm định kế hoạch, chương trình, đề án, dự án);

- Chi xây dựng định mức, đơn giá chuyên ngành công nghệ thông tin;

- Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ chi ứng dụng công nghệ thông tin;

- Chi điều tra, khảo sát thu thập thông tin phục vụ quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin;

- Chi hội nghị, hội thảo về ứng dụng công nghệ thông tin;

- Chi đoàn đi công tác nước ngoài học tập kinh nghiệm quốc tế về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và phát triển Chính phủ điện tử;

- Chi hoạt động của các Ban điều hành, Ban chỉ đạo trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin: chi cho công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin; chi các cuộc họp, hội nghị, hội thảo; chi hoạt động chuyên môn; chi hỗ trợ hoạt động của cơ quan thường trực Ban điều hành, Ban chỉ đạo.

i) Chi thuê tư vấn trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, gồm: tư vấn chuyên gia công nghệ, tư vấn mua sắm và tư vấn khác.

j) Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

- Đào tạo, bồi dưỡng người sử dụng, gồm: kiến thức chung về công nghệ thông tin, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghiệp vụ và quản lý;

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, gồm quản trị hệ thống thông tin và các chuyên đề chuyên sâu, đào tạo theo chuẩn của các hãng;

- Đào tạo, bồi dưỡng giám đốc công nghệ thông tin;

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

k) Chi phụ cấp ưu đãi, phụ cấp độc hại theo chế độ cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin (nếu có).

l) Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá phục vụ mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước (tuyên truyền, quảng bá về việc cơ quan nhà nước cung cấp thông tin trên môi trường mạng; thông tin, tuyên truyền để người dân và xã hội biết và tham gia giao dịch với cơ quan nhà nước qua môi trường mạng và các hoạt động tuyên truyền khác).

m) Chi tổ chức các hội thi về công nghệ thông tin.

Điều 8. Chế độ, định mức chi đối với nội dung chi thuộc nguồn vốn chi đầu tư phát triển hoặc vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư

1. Khi lập dự toán chi dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phải theo quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, các định mức, đơn giá chuyên ngành do Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính và các Bộ chuyên ngành ban hành. Một số quy định hiện hành như sau:

a) Việc lập và quản lý chi phí dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28/02/2011 quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Chi phí quản lý dự án ứng dụng công nghệ thông tin: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Về định mức chi phí quản lý dự án, tư vấn đầu tư: tham khảo Quyết định số 993/QĐ-BTTTT ngày 01/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố Định mức tạm thời về chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

c) Chi phí thẩm định dự án đầu tư: vận dụng quy định tại Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

d) Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; kiểm toán độc lập: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

đ) Định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm: tham khảo theo Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng trong công tác lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

e) Định mức tạo lập cơ sở dữ liệu: tham khảo theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

g) Việc xây dựng, nâng cấp phần mềm nội bộ: tham khảo Công văn số 2589/BTTTT- UDCNTT ngày 24/8/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ.

Các cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng phần mềm mã nguồn mở trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (nếu lĩnh vực đó có phần mềm mã nguồn mở tương đương, đáp ứng được yêu cầu và phù hợp với khả năng triển khai của cơ quan, đơn vị) thay cho việc mua sắm các phần mềm dựng sẵn hoặc phần mềm may đo.

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2010/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiền lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện gói thầu tư vấn và áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước.

3. Chi thuê chuyên gia tư vấn nước ngoài: Căn cứ vào mức độ cần thiết triển khai các hoạt động và dự toán kinh phí được duyệt, thủ trưởng cơ quan Trung ương và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc thuê chuyên gia tư vấn nước ngoài. Mức chi thực hiện theo hợp đồng thực tế thoả thuận với chuyên gia theo yêu cầu chất lượng, số lượng và thời gian thực hiện công việc.

4. Chi điều tra, khảo sát phục vụ lập dự án và khảo sát bổ sung trong quá trình thực hiện đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

5. Đối với các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 và Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày

26/12/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

6. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu tại Điều này có văn bản mới sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

Điều 9. Chế độ, định mức chi đối với nội dung chi thuộc nguồn kinh phí chi thường xuyên hành chính sự nghiệp

Chế độ chi thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin theo chế độ chi tiêu tài chính do Bộ Tài chính quy định. Thông tư này hướng dẫn thêm một số nội dung sau:

1. Chi mua sắm, nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin và phần mềm, gồm: Chi phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ; mua sắm, nâng cấp, lắp đặt, cài đặt thiết bị công nghệ thông tin (phần mạng, phần cứng, phần mềm thương mại) nhằm duy trì hoạt động thường xuyên, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT ngày 08/9/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án. Cụ thể như sau:

a) Nguyên tắc lập đề cương và dự toán chi tiết:

- Việc xác định phạm vi, quy mô hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để lập đề cương, dự toán chi tiết phải căn cứ vào tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, bảo đảm tính đồng bộ của hoạt động;

- Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin áp dụng đối với từng nội dung chi ứng dụng công nghệ thông tin nêu trong đề cương và dự toán chi tiết; đảm bảo đủ điều kiện để xác định khối lượng dự toán của nội dung chi ứng dụng công nghệ thông tin;

- Thuyết minh của đề cương và dự toán chi tiết phải làm rõ được những nội dung mà các mẫu biểu kèm theo chưa thể hiện được.

b) Căn cứ xây dựng dự toán:

- Căn cứ các tiêu chuẩn, định mức, đơn giá đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Đối với các nội dung chưa có tiêu chuẩn, định mức, đơn giá được ban hành thì căn cứ theo yêu cầu kỹ thuật, công nghệ, điều kiện làm việc để xây dựng định mức, đơn giá hoặc áp dụng các định mức, đơn giá tương tự ở các dự án, nhiệm vụ khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải có thuyết minh rõ căn cứ tính toán.

- Đối với các nội dung chưa có tiêu chuẩn, định mức, đơn giá; đồng thời chưa có hợp đồng tương tự thì căn cứ báo giá của ít nhất 3 nhà cung cấp.

2. Các khoản chi được thanh toán theo hợp đồng giữa các cơ quan, đơn vị và nhà cung cấp, bảo đảm tuân thủ quy định hoá đơn chứng từ và quy định về đấu thầu, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nói chung, tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin nói riêng, gồm:

a) Chi mua nội dung thông tin; mua giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập, nghiên cứu.

b) Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá phục vụ mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước (in ấn tờ rơi, panô, áp phích, khẩu hiệu; tuyên truyền, quảng bá qua sóng phát thanh, truyền hình; tuyên truyền, quảng bá bằng thông tin trên mạng máy tính, thông tin qua mạng viễn thông và các hoạt động tuyên truyền khác).

3. Đối với chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ trang thiết bị thuộc cơ sở hạ tầng thông tin; quản lý hệ thống thông tin; tạo lập thông tin điện tử trên mạng máy tính; tạo lập và chuyển đổi thông tin; số hoá thông tin:

a) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và đội ngũ cán bộ của bộ phận chuyên trách (hoặc kiêm nhiệm) công nghệ thông tin, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ này như là nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức khi làm thêm giờ để thực hiện các nhiệm vụ này được thanh toán tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

b) Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị quyết định việc thuê ngoài để thực hiện. Việc thanh toán thực hiện theo hợp đồng và hoá đơn chứng từ, bảo đảm tuân thủ quy định về mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nói chung và tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin nói riêng.

c) Việc thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài thực hiện những công việc tạo lập thông tin điện tử trên mạng máy tính, tạo lập và chuyển đổi thông tin hoặc số hoá thông tin thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử.

Đối với việc tạo lập thông tin điện tử bằng tiếng dân tộc ít người được phép tăng thêm tối đa 30% mức chi quy định tương ứng tại Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính.

Đối với chi chuẩn hóa dữ liệu: tham khảo theo Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc

công bố Định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Chế độ nhuận bút chi trả cho tin, bài dưới dạng văn bản, ảnh số, âm thanh số, phim số được đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước (không phải là báo điện tử): thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ về chế độ nhuận bút.

Chỉ những tin, bài được duyệt đăng mới được hưởng mức nhuận bút hoặc thù lao như quy định dưới đây:

a) Nhuận bút trả cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm:

Nhuận bút = Mức hệ số nhuận bút x Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút

Trong đó:

Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút bằng 10% mức tiền lương tối thiểu.

Hệ số nhuận bút = Số lượng độ dài tin bài x hệ số giá trị tin bài

Tùy theo thể loại, chất lượng tác phẩm, Thủ trưởng đơn vị quản lý cổng/trang thông tin điện tử quyết định mức hệ số giá trị tin bài của tác phẩm không vượt quá Hệ số giá trị tin bài trong bảng dưới đây.

Hệ số nhuận bút được xác định theo độ dài tin bài và hệ số giá trị tin bài nhưng không vượt quá khung hệ số nhuận bút trong bảng dưới đây khi thanh toán.

| Nhóm | Thể loại | Đơn vị độ dài tin | Hệ số giá trị tin bài | Khung Hệ số nhuận bút |
|------|---------------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Tin Trả lời bạn đọc | ½ trang A4 | 2 | 1-10 |
| 2 | Tranh | 01 tranh | 10 | 1 - 10 |
| 3 | Ảnh | 01 ảnh | 10 | 1 - 10 |
| 4 | Chính luận | 01 trang A4 | 10 | 10 - 30 |
| 5 | Phóng sự Ký Bài phỏng vấn | 01 trang A4 | 10 | 10 - 30 |
| 6 | Văn học | 01 trang A4 | 8 | 8 - 30 |
| 7 | Nghiên cứu | 01 trang A4 | 10 | 10 - 30 |

Đối với tác phẩm thông qua hình thức phỏng vấn (bài phỏng vấn) thì tỷ lệ hưởng nhuận bút giữa người phỏng vấn và người được phỏng vấn do hai bên tự thỏa thuận.

b) Thù lao trả cho người sưu tầm, người cung cấp văn bản của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã

hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và bản dịch của những văn bản đó; tin tức thời sự thuần túy đưa tin, tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian:

Thù lao = Mức hệ số nhuận bút x Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút

Trong đó:

Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút bằng 10% mức tiền lương tối thiểu.

Hệ số nhuận bút = Số lượng độ dài tin bài x hệ số giá trị tin bài

Tuỳ theo thể loại, chất lượng tác phẩm, Thủ trưởng đơn vị quản lý công/trang thông tin điện tử quyết định mức hệ số giá trị tin bài của tác phẩm không vượt quá Hệ số giá trị tin bài trong bảng dưới đây:

| TT | Thể loại | Đơn vị độ dài tin | Hệ số giá trị tin bài |
|----|---|-------------------|-----------------------|
| 1 | Tin tổng hợp | ½ trang A4 | 1 |
| 2 | Tin viết, Trả lời bạn đọc | ½ trang A4 | 1 |
| 3 | Bài viết ngắn | 01 trang A4 | 1,5 |
| 4 | Tranh, ảnh | 01 Ảnh | 3 |
| 5 | Tin dịch xuôi | ½ trang A4 | 1 |
| 6 | Bài dịch xuôi | 01 trang A4 | 1,5 |
| 7 | Tin dịch ngược | ½ trang A4 | 1,5 |
| 8 | Bài dịch ngược | 01 trang A4 | 2 |
| 9 | Bài viết tổng hợp, nghiên cứu, phân tích, phỏng vấn | 01 trang A4 | 2 |
| 10 | Tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian | 01 trang A4 | 2 |

c) Chi tiết cách tính nhuận bút, thù lao tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

d) Đối với tác phẩm không quy định trong khung nhuận bút và tin tức quy định tại Điều này, Thủ trưởng đơn vị quản lý công/trang thông tin điện tử căn cứ vào tính chất, đặc trưng của tác phẩm quyết định hệ số nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu và thù lao tương ứng cho người sưu tầm, người cung cấp.

5. Chi bồi dưỡng Ban biên tập công/trang thông tin điện tử thực hiện việc sưu tầm, cung cấp, biên tập tin, bài trên công/trang thông tin điện tử:

a) Cán bộ thuộc Ban biên tập là tác giả hoặc chủ sở hữu của tin, bài đăng tải trên công/trang thông tin điện tử được hưởng nhuận bút theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này.

b) Cán bộ thuộc Ban biên tập là người sưu tầm, cung cấp tin, bài đăng tải trên công/trang thông tin điện tử được hưởng thù lao theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này.

c) Cán bộ làm công tác biên tập tin, bài được hưởng mức thù lao bằng 20% mức thù lao của người sưu tầm, cung cấp tin, bài (nếu là cán bộ kiêm nhiệm).

6. Chi xây dựng đề án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin có tính chất nghiên cứu khoa học công nghệ; chi xây dựng tiêu chuẩn, định mức, đơn giá chuyên ngành công nghệ thông tin: thực hiện theo Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

7. Chi xây dựng các văn bản cơ chế chính sách, quy định, hướng dẫn, quy trình và các văn bản khác nhằm đảm bảo môi trường pháp lý cho ứng dụng công nghệ thông tin: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của Liên tịch Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp – Văn phòng Chính phủ hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Đối với việc xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án ứng dụng công nghệ thông tin, văn bản hướng dẫn phục vụ quản lý nhà nước về công nghệ thông tin: được vận dụng quy định tại Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của Liên tịch Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp – Văn phòng Chính phủ theo mức chi tương ứng với từng cấp ban hành văn bản.

8. Chi thuê chuyên gia tư vấn:

a) Đối với chuyên gia tư vấn trong nước: Vận dụng mức chi tại Thông tư số 18/2010/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiền lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện gói thầu tư vấn và áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước.

b) Đối với chuyên gia tư vấn nước ngoài: Căn cứ vào mức độ cần thiết triển khai các hoạt động và dự toán kinh phí được duyệt, thủ trưởng cơ quan Trung ương và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc thuê chuyên gia tư vấn nước ngoài. Mức chi thực hiện theo hợp đồng thực tế thoả thuận với chuyên gia theo yêu cầu chất lượng, số lượng và thời gian thực hiện công việc.

9. Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin: thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Ngoài ra, hướng dẫn thêm như sau:

a) Chi thù lao trợ giảng, cán bộ kỹ thuật trong nước: tùy theo các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc mời trợ giảng, cán bộ kỹ thuật (một giảng viên chính có không quá 02 trợ giảng/cán bộ kỹ thuật) và quyết định mức chi thù lao phù hợp nhưng không quá 400.000

đồng/ngày/người đối với giảng viên, trợ giảng; không quá 200.000 đồng/ngày/người đối với cán bộ kỹ thuật. Trường hợp phải chi phí riêng về phương tiện đi lại, thuê chỗ ở đối với trợ giảng, cán bộ kỹ thuật thì thực hiện theo tiêu chuẩn như đối với giảng viên chính.

b) Đối với giảng viên nước ngoài: tùy theo mức độ cần thiết, các cơ quan, đơn vị trình cấp có thẩm quyền quyết định việc mời giảng viên nước ngoài; mức thù lao đối với giảng viên nước ngoài do cơ quan, đơn vị thoả thuận với giảng viên, bảo đảm phù hợp với khả năng kinh phí của cơ quan, đơn vị.

c) Chi đào tạo, bồi dưỡng theo chuẩn của các hãng: được thanh toán theo hợp đồng giữa các cơ quan, đơn vị và nhà cung cấp, bảo đảm tuân thủ quy định hoá đơn chứng từ và quy định về đấu thầu, mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

d) Đối với đào tạo, bồi dưỡng theo hình thức trực tuyến, ngoài các khoản chi được quy định trong Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 còn được chi thêm các nội dung sau:

- Chi số hóa bài giảng phục vụ cho đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử.

- Chi xây dựng video bài giảng: áp dụng định mức chi đối với xây dựng chương trình phổ biến kiến thức quy định tại Thông tư số 30/2010/TT-BTTTT ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành định mức áp dụng tạm thời về hao phí lao động, hao phí thiết bị trong sản xuất các chương trình truyền hình.

- Chi mua sắm, xây dựng các phần mềm phục vụ đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến: thực hiện theo quy định về xây dựng, mua sắm phần mềm tại Thông tư này.

- Chi thuê các dịch vụ để duy trì, lưu trữ bài giảng trên mạng internet: được thanh toán theo hợp đồng giữa các cơ quan, đơn vị và nhà cung cấp, bảo đảm tuân thủ quy định hoá đơn chứng từ và quy định về đấu thầu, mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

10. Chi điều tra, khảo sát: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

11. Chi đi công tác trong nước: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

12. Chi đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18/10/2005 của Bộ Tài chính quy định chế

độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

13. Chi cho công tác phiên dịch, biên dịch tài liệu: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

14. Chi tổ chức các hội thi về công nghệ thông tin: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 52/2007/TT-BTC ngày 21/5/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính cho hoạt động hội thi sáng tạo kỹ thuật để thực hiện.

15. Chi hoạt động của các Ban điều hành, Ban chỉ đạo trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin: Tùy theo nhiệm vụ được Ban điều hành, Ban chỉ đạo phê duyệt, cơ quan thường trực Ban điều hành, Ban chỉ đạo lập dự toán chi hoạt động của Ban theo các nội dung và định mức chi quy định tại Điều 9 Thông tư này.

16. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu tại Điều này có văn bản mới sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

Điều 10. Lập dự toán ngân sách nhà nước

1. Cơ sở lập kế hoạch và dự toán chi thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước:

a) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước theo giai đoạn.

b) Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin theo giai đoạn, Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm của Bộ, ngành (đối với cơ quan Trung ương) và của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với cơ quan địa phương).

c) Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin theo giai đoạn, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm của đơn vị mình.

d) Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Tài chính; Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

đ) Phân cấp nhiệm vụ chi, nội dung chi và định mức chi quy định tại Thông tư này.

e) Các văn bản về chế độ, định mức hiện hành của Nhà nước.

2. Trình tự, thời gian lập dự toán:

Việc lập dự toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước theo đúng trình tự và thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể như sau:

a) Đối với các cơ quan Trung ương:

Các cơ quan nhà nước Trung ương xây dựng kế hoạch và dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm chi tiết theo từng lĩnh vực chi cụ thể gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để rà soát, thẩm tra về mục tiêu, nội dung chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật. Đồng thời, cơ quan nhà nước Trung ương tổng hợp chung dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin vào dự toán chi ngân sách của cơ quan (trong đó có nội dung chi ứng dụng công nghệ thông tin theo từng loại chi) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với chi đầu tư phát triển), Bộ Tài chính (đối với chi thường xuyên) để tổng hợp, cân đối ngân sách Trung ương cho ứng dụng công nghệ thông tin, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan. Trong đó:

(i) Đối với chi đầu tư phát triển:

- Thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư;
- Dự toán kinh phí các dự án ứng dụng công nghệ thông tin được tổng hợp cùng với các dự án khác trong dự toán chi đầu tư phát triển của đơn vị.

(ii) Đối với chi thường xuyên:

Các đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thuộc các cơ quan nhà nước Trung ương lập dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin theo các nội dung và nhiệm vụ quy định tại Thông tư này, tổng hợp trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của đơn vị gửi cơ quan quản lý cấp trên. Các cơ quan nhà nước (đơn vị dự toán cấp I) của Trung ương tổng hợp dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin theo từng lĩnh vực chi trong dự toán chi thường xuyên của Bộ, cơ quan mình.

b) Đối với địa phương:

Các đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương lập dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin theo các nội dung và nhiệm vụ quy định tại Thông tư này (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên), tổng hợp trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị gửi cơ quan quản lý cấp trên.

Các đơn vị dự toán cấp I tổng hợp dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin của mình và các đơn vị trực thuộc gửi cơ quan thông tin và truyền thông cùng cấp để rà soát, thẩm tra về mục tiêu, nội dung chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật. Đồng thời, đơn vị dự toán cấp I tổng hợp chung dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin vào dự toán chi ngân sách của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp, cân đối ngân sách

địa phương cho ứng dụng công nghệ thông tin, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm chi tiết theo từng lĩnh vực chi cụ thể gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để rà soát, thẩm tra về mục tiêu, nội dung chuyên môn, tiêu chuẩn kỹ thuật. Đồng thời, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp chung dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin vào dự toán ngân sách của địa phương (trong đó có nội dung chi ứng dụng công nghệ thông tin theo từng loại chi) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, cân đối ngân sách cho ứng dụng công nghệ thông tin, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các địa phương.

c) Thời gian gửi dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin cùng thời gian gửi báo cáo dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị tới cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch đầu tư các cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 11. Phân bổ, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

1. Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phân bổ và giao dự toán kinh phí cho các đơn vị tổ chức thực hiện (trong đó bao gồm cả kinh phí thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin) sau khi có ý kiến thẩm tra của cơ quan tài chính cùng cấp.

2. Việc sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định tại Thông tư này; kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng từ nguồn kinh phí thuộc lĩnh vực nào thì hạch toán và quyết toán vào lĩnh vực đó theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước. Cuối năm tổng hợp chung trong quyết toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 và thay thế Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BTC-BTTTT ngày 26/5/2008 của Bộ Tài chính và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Liên Bộ để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
THỨ TRƯỞNG

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THỨ TRƯỞNG

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Hồng Nguyễn Văn Trung Nguyễn Thị Minh

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Sở TC, Sở KH&ĐT, Sở TT&TT, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Đơn vị chuyên trách về CNTT của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ TC, Bộ KH&ĐT, Bộ TT&TT;
- Website Bộ TC, Bộ KH&ĐT, Bộ TT&TT;
- Lưu VT: Bộ TC, Bộ KH&ĐT, Bộ TT&TT.



PHỤ LỤC I

HƯỚNG DẪN CÁCH TÍNH GIÁ TRỊ TIN, BÀI ĐĂNG TRÊN CÔNG TRƯỜNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của Liên Bộ Tài chính – Kế hoạch và Đầu tư – Thông tin và Truyền thông)

I. Quy định về đơn vị độ dài tin

1. Một trang A4 là 1 trang có số từ tương đương với 500 từ, chữ thường, cỡ chữ 13.
2. Một bài hoặc tin có số từ xấp xỉ 250 từ thì được tính tròn thành ½ (nửa) trang A4.
3. Một bài hoặc tin có số từ xấp xỉ 500 từ thì được tính tròn thành 1 (một) trang A4.
4. Bài viết được tính theo 1 (một) trang A4.
5. Tin viết, trả lời bạn đọc, tin dịch xuôi và tin dịch ngược được tính theo ½ (nửa) trang A4.

II. Ví dụ về cách tính nhuận bút tác phẩm:

| TT | Thể loại | Đơn vị độ dài tin | Độ dài thực tế | Số lượng độ dài tin bài | Hệ số giá trị tin bài | Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút (đồng) | Nhuận bút được hưởng (đồng) |
|----|------------|-------------------|----------------|-------------------------|-----------------------|---|-----------------------------|
| a | b | c | d | e | g | h | i=e*g*h |
| 1 | Tin | ½ trang A4 | 01 trang A4 | 02 | 2 | 83.000 | 332.000 |
| 2 | Phỏng vấn | 01 trang A4 | 03 trang A4 | 03 | 10 | 83.000 | 2.490.000 |
| 3 | Nghiên cứu | 01 trang A4 | 5 trang A4 | 05 | 10 | 83.000 | 2.490.000 |
| 3 | Tranh, ảnh | 01 Ảnh | 01 Ảnh | 01 | 10 | 83.000 | 830.000 |

Trường hợp bài nghiên cứu số 3, vì số lượng độ dài tin bài x hệ số giá trị tin bài (bằng 50) vượt qua khung hệ số nhuận bút nên chỉ được thanh toán tối đa theo khung hệ số nhuận bút (bằng 30).

II. Ví dụ về cách tính thù lao sưu tầm:

| TT | Thể loại | Đơn vị độ dài tin | Độ dài thực tế | Số lượng độ dài tin bài | Hệ số giá trị tin bài | Giá trị một đơn vị hệ số nhuận bút (đồng) | Thù lao được hưởng (đồng) |
|----|---------------|-------------------|----------------|-------------------------|-----------------------|---|---------------------------|
| a | b | c | d | e | g | h | i=e*g*h |
| 1 | Tin tổng hợp | ½ trang A4 | ½ trang A4 | 01 | 1 | 83.000 | 83.000 |
| 2 | Bài viết ngắn | 01 trang A4 | 02 trang A4 | 02 | 1,5 | 83.000 | 249.000 |
| 3 | Tranh, ảnh | 01 Ảnh | 01 Ảnh | 01 | 3 | 83.000 | 249.000 |

III. Phân loại tác phẩm sưu tầm được trả thù lao cho người cung cấp

1. Tin tổng hợp: tin tổng hợp, tóm tắt từ các thông tin, tin bài, tài liệu được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của các cơ quan đơn vị và tổ chức.
2. Tin viết: Phản ánh, tường thuật sự kiện; phân tích các báo cáo, văn bản quy phạm pháp luật mới; có sự so sánh đánh giá các sự kiện; sử dụng ngôn ngữ chuyên môn, ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu.
3. Bài viết: Có sự tổng hợp, so sánh, phát hiện vấn đề mới; sử dụng ngôn ngữ chuyên môn nhưng phải dễ đọc, dễ hiểu.
4. Tin, bài dịch xuôi: Dịch tổng thuật từ 1 hay nhiều nguồn tiếng Anh liên quan, có sự lựa chọn thông tin, tổng hợp, sắp xếp nội dung vấn đề.
5. Tin, bài dịch ngược: Dịch tổng thuật từ 1 hay nhiều nguồn tin tiếng Việt liên quan; có lựa chọn thông tin, tổng hợp, xâu chuỗi nội dung thông tin.
6. Đối với các loại ảnh: là ảnh chụp có chất lượng, minh họa rõ nét cho tin bài.
7. Bài phỏng vấn: chủ đề bài phỏng vấn đề cập đến vấn đề xã hội đang quan tâm, nội dung câu hỏi và câu trả lời phỏng vấn ngắn gọn, rõ ràng; thể hiện quan điểm chính thống, nhất quán của cơ quan nhà nước về vấn đề được phỏng vấn.

Tác phẩm là bài viết, tin viết trực tiếp bằng tiếng Anh được trả nhuận bút đúng theo mức quy định trong quy định này và được trả thêm 50% tổng nhuận bút của tác phẩm viết bằng tiếng Việt.